

Bản án số: 91/2025/HS-ST

Ngày: 28/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc San Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;

2. Ông Hồ Hoàng Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuý Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 05 năm 2025, tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2025/HSST ngày 25 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc C, tên gọi khác: Không có, sinh năm 1997 tại An Giang; giới tính: Nữ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 224/20 N, phường V, Thành phố R, Kiên Giang; nơi cư trú: Căn hộ M 28.08 chung cư E, Khu phố A, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: tự do; là con ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1972 và bà Trần Thị Thùy T1, sinh năm 1969; bị cáo có chồng và 01 con (sinh ngày 04/12/2024); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/03/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Thị Hiền D, tên gọi khác: Không có, sinh năm 2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 41/21 C, khu phố E, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: không có nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: tự do; là con ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1965 và bà Vũ Thị Kim L, sinh năm 1968; bị cáo không có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/03/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Thị Ngọc T2, sinh năm 1996 tại Kiên Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ D, ấp H, xã Đ, G, Kiên Giang; nơi cư trú: không có nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khơ me; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: tự do; là con ông Danh T3; sinh năm 1977 và bà Võ Thị H, sinh năm 1976; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/03/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Phạm Văn L1, sinh năm 1996 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: D, thị trấn Q, huyện Q, Hà Nội; nơi cư trú: không có nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Không; là con ông Phạm Văn H1 (không rõ năm sinh) và bà Nguyễn Thị Q (không rõ năm sinh); bị cáo có vợ và 03 con sinh (lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/03/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Yến N, sinh năm 2001; địa chỉ: Số C Đường N, Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Mỹ T4, sinh năm 1999; địa chỉ: Căn hộ M Chung cư E S, Khu phố A, Phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Bà Hoàng Thu H2, sinh năm 1997; địa chỉ: Căn hộ M Chung cư E S, Khu phố A, Phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Tuyết L2, sinh năm 1992; địa chỉ: Số H N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Công ty TNHH D2; địa chỉ: Căn hộ P.OT12B, khu đô thị V, G Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 10 giờ ngày 30/03/2024, Công an phường B kiểm tra hành chính căn hộ M2 28.08 chung cư E S, khu phố A, phường B, Quận G phát hiện và bắt quả tang 04 đối tượng gồm Nguyễn Thị Ngọc C, Phạm Thị Hiền D, Thị Ngọc T2 và Phạm Văn L1 đang có hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ tại bàn gỗ trong phòng ngủ đầu tiên bên phải (từ cửa vào) có một tô sứ màu trắng chứa chất màu vàng (chất màu vàng được thu gom vào 01 chai nhựa), một đĩa kim loại màu vàng có chứa bột (chất bột được thu gom vào 01 gói nylon), một muỗng bằng kim loại có dính chất màu vàng, một tờ tiền 10.000 đồng được cuộn tròn dính bột, một thẻ nhựa màu trắng có dính bột; trên nền nhà trong phòng có một gói nylon chứa chất tinh thể không màu. C, D, T2, L1 khai nhận tang vật thu giữ là ma túy và dụng cụ dùng vào việc

sử dụng trái phép chất ma túy. Công an phường B, Quận G tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thị Ngọc C, Phạm Thị Hiền D, Thị Ngọc T2, Phạm Văn L1 về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, các bị cáo khai nhận:

Trần Thị Yến N đứng tên thuê căn hộ M2 28.08 chung cư E S, khu phố A, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh sau đó cho Nguyễn Mỹ T4 và Hoàng Thu H2 ở cùng. Ngày 08/02/2024, H2 giới thiệu tiếp cho Nguyễn Thị Ngọc C đến ở cùng. Căn hộ trên được chia làm 02 phòng: Phòng bên phải từ cửa đi vào là phòng C và T4, phòng bên trái là phòng H2 và N. Tiền thuê căn hộ 17.500.000 đồng/tháng được chia đều cho 4 người N, C, T4 và H2, mỗi người 4.375.000 đồng, mỗi tháng N thu tiền của C, T4 và H2 để thanh toán cho chủ nhà.

Khoảng 16 giờ ngày 29/03/2024, C và Thị Ngọc T2 đi ăn uống và rủ nhau mua ma túy về phòng của C tại căn hộ M2 28.08 chung cư E S, phường B, Quận G sử dụng. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, C và T2 về căn hộ và vào phòng của C. C sử dụng zalo của mình tên “Di Di” gọi zalo của Phạm Thị Hiền D tên “Lam Anhh” rủ D đến căn hộ cùng C và T2 sử dụng ma túy, D đồng ý. C nhờ D đặt loa, đèn mang đến căn hộ. Một lúc sau, D điện thoại cho C nói C xuống sảnh chung cư lấy loa, đèn. C xuống lấy loa, đèn từ xe ô tô công nghệ G, đem lên để trong phòng ngủ của C. Khoảng 18 giờ cùng ngày, D điện thoại cho C xuống sảnh chung cư dẫn D lên căn hộ. Tại phòng ngủ C, T2 và D rủ nhau hùn tiền mua 01 gói ma túy nước vui về cùng sử dụng. C sử dụng Telegram liên lạc với một đối tượng tên “A.Thiên” (không rõ nhân thân lai lịch) đặt mua 01 gói ma túy nước vui giá 2.470.000 đồng. C thanh toán tiền mua ma túy đến NGUYEN THI TUYET LOAN số tài khoản 5310467 ngân hàng thương mại cổ phần Á. C thông báo cho T2, D biết số tiền mua ma túy. D sử dụng zalo “Lam Anhh” nhắn tin cho Phạm Văn L1 tài khoản Zalo tên “Samsan” rủ L1 qua phòng C cùng sử dụng ma túy. D thông báo cho L1 đã đặt mua ma túy nước vui và việc hùn tiền mua thêm ma túy Ketamine. L1 đồng ý hùn tiền mua 2 loại ma túy này cùng sử dụng chung. D nói cho C và T2 biết L1 sẽ đến căn hộ cùng sử dụng ma túy, chia đều tiền mua ma túy nên C và T2 đồng ý. Cả nhóm thống nhất mua thêm 01 gói ma túy khay (Ketamine) để sử dụng. C tiếp tục liên lạc với “A.Thiên” đặt mua 01 gói ma túy Ketamine giá 4.550.000 đồng. C trả trước tiền mua ma túy nước vui, còn tiền mua ma túy Ketamine, C trả sau. C báo cho T2, D biết tiền mua ma túy Ketamine. Do tài khoản của C không đủ tiền nên D chuyển tiền thanh toán ma túy nước vui trước cho “A.Thiên”. Khoảng 20 giờ cùng ngày, C xuống hòm thư chung cư E lấy 01 túi nylon bên trong có 01 gói ma túy nước vui và 01 bịch ma túy khay (Ketamine) mà C nói người giao hàng bỏ vào trước đó, cầm lên căn hộ.

Khi mua được ma túy, C pha chế ma túy tại phòng bếp, cùng với T2 và D mang ma túy đã pha chế và nghiền nấu, 01 bịch ma túy khay chưa nghiền nấu, thẻ nhựa và 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn dạng ống hút vào phòng ngủ của C và cùng ngồi chờ L1 đến để sử dụng ma túy.

Khoảng 23 giờ 40 phút cùng ngày, D kêu C xuống sảnh dẫn L1 lên căn hộ. Khi L1 đến, tại phòng ngủ của C các đối tượng C, T2, D, L1 bắt đầu lần lượt sử dụng ma túy nước vui và ma túy Ketamine. Khoảng 07 giờ 20 phút ngày 30/3/2024, L1 dùng tài khoản của mình số 097693956999 ngân hàng M chuyển số tiền 2.005.000 đồng hùn mua ma túy vào số tài khoản của D 19035497074011 ngân hàng T5. Sau khi nhận được tiền của L1, D dùng tài khoản của mình chuyển vào số tài khoản của C 7911666 ngân hàng A. C dùng tài khoản của mình chuyển 4.375.000 đồng thanh toán mua ma túy Ketamine cho “A.Thiên” tên NGUYEN THI TUYET LOAN số tài khoản 5310467 ngân hàng A. C, T2, D, L1 tiếp tục sử dụng ma túy đến khoảng 10 giờ ngày 30/3/2024 thì bị kiểm tra phát hiện thu giữ ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy và lập biên bản phạm tội quả tang như trên.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với C, D, T2, L1: Dương tính với chất ma túy trong cơ thể.

Kết luận giám định số 4216/KL-KTHS ngày 07/04/2024 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận:

- Gói 1:

+ Bột được ký hiệu mẫu m1 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,6536g (không phải sáu năm ba sáu gam) loại Ketamine.

+ Chất lỏng màu vàng được ký hiệu mẫu m2 cần giám định có thể tích 250ml (hai năm không mililit), tìm thấy thành phần Ketamine.

+ Chất màu vàng được ký hiệu mẫu m3 cần giám định đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,0132g (không phải không một ba hai gam), loại Ketamine, N1.

+ Bột được ký hiệu mẫu m4 cần giám định đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,0238g (không phải không hai ba tám gam), loại Ketamine.

- Gói 2:

+ Tinh thể được ký hiệu mẫu m5 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,9668g (một phẩy chín sáu sáu tám gam), loại Ketamine.

Kết luận giám định số 4165/KL-KTHS ngày 01/04/2025 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận:

Chất lỏng màu vàng được ký hiệu mẫu m cần giám định (đã nêu ở mục II.1) tìm thấy Ketamine, hàm lượng 109,5058g/mL.

Khối lượng Ketamine trong 250mL chất lỏng màu vàng (mẫu m2 đã nêu trong Kết luận giám định số 4216/KL-KTHS ngày 07/4/2024 của Phòng K Công an Thành phố H) là 0,0274g (không phải không hai bảy bốn gam).

* Vật chứng vụ án:

- 01 (một) Hộp giấy hình chữ nhật chứa mẫu giám định được dán niêm phong có chữ ký của cán bộ điều tra Lê Việt D1 và giám định viên Nguyễn Văn Ú Lớn có chữ vụ 1278/24 (bên trong có 01 gói nylon chứa bột khối lượng 0,5496g; 01 chai nhựa chứa chất lỏng màu vàng có thể tích 200ml; 01 tô sứ màu trắng; 01 muống bằng kim loại, 01 đĩa bằng kim loại màu vàng; 01 tờ mệnh giá 10.000 đồng; 01 thẻ nhựa màu trắng).

- 01 (một) Bao thư chứa ma túy Ketamine được niêm phong có chữ ký của cán bộ điều tra Lê Việt D1 và giám định viên Nguyễn Văn Út L3 có chữ vụ 1278/24 trọng lượng 1,5517 gram.

- Thu giữ của Nguyễn Thị Ngọc C: 01 loa màu xanh có chữ Harman/kardon màu xanh; 01 máy chiếu Laser Show System MP7979.V10, màu đen; 01 điện thoại Iphone 14 Promax, màu tím, số IMEI: 354132413210256, số thuê bao: 0797771666.

- 01 điện thoại Iphone 15 Promax, màu trắng, số IMEI: 356616949356656, số thuê bao: 0773757678. Thu giữ của Phạm Thị Hiền D.

- 01 điện thoại Iphone 15 Promax, màu trắng, số IMEI: 354570352691749, số thuê bao: 0357151096. Thu giữ của Thị Ngọc T2.

- 01 điện thoại Iphone 15 Promax, màu trắng, số IMEI: 355319542632414, số thuê bao: 0869666969. Thu giữ của Phạm Văn L1.

Bản cáo trạng số 95/CTr-VKSQ7 ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc C, Phạm Thị Hiền D, Thị Ngọc T2 và Phạm Văn L1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp đối với 02 người trở lên. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc C từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo Phạm Thị Hiền D, Thị Ngọc T2 và Phạm Văn L1, mỗi bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử

dùng phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; và đề nghị xử lý vật chứng theo qui định pháp luật.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận: Nguyễn Thị Ngọc C, Phạm Thị Hiền D, Thị Ngọc T2 và Phạm Văn L1 đồng phạm thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy lúc 10 giờ ngày 30/3/2024 tại căn hộ M2 28.08 chung cư E, khu phố A, phường B, Quận G. Trong đó, C sử dụng căn hộ mà mình thuê là nơi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. C là người liên hệ đặt mua ma túy nước vui và ma túy Ketamine. Đồng thời C là người pha chế ma túy cho mọi người cùng sử dụng. Số tiền mua hai loại ma túy trên, C, D, T2 và L1 chia đều nhau.

Ngoài ra, Nguyễn Thị Ngọc C, Phạm Thị Hiền D, Thị Ngọc T2 và Phạm Văn L1 còn có hành vi tàng trữ ma túy có tổng khối lượng 2,6716 gam, loại Ketamine; ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,0132 gam loại Ketamine và N1 để sử dụng.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc C, Phạm Thị Hiền D, Thị Ngọc T2 và Phạm Văn L1 là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, phải xử lý nghiêm minh nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, đây là

tình tiết giảm nhẹ thuộc điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc C khi phạm tội là phụ nữ có thai, đây là tình tiết giảm nhẹ thuộc điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) Hộp giấy hình chữ nhật chứa mẫu giám định được dán niêm phong có chữ ký của cán bộ điều tra Lê Việt D1 và giám định viên Nguyễn Văn Ú Lớn có chữ vụ 1278/24 (bên trong có 01 gói nylon chứa bột khối lượng 0,5496g; 01 chai nhựa chứa chất lỏng màu vàng có thể tích 200ml; 01 tô sứ màu trắng; 01 muỗng bằng kim loại, 01 đĩa bằng kim loại màu vàng; 01 tờ mệnh giá 10.000 đồng; 01 thẻ nhựa màu trắng): Là ma túy và công cụ sử dụng trái phép chất ma túy. Nên tịch thu để sung quỹ đối với 01 tờ mệnh giá 10.000 đồng; tịch thu để tiêu huỷ đối với tang vật còn lại;

- 01 (một) Bao thư chứa ma túy Ketamine được niêm phong có chữ ký của cán bộ điều tra Lê Việt D1 và giám định viên Nguyễn Văn út L3 có chữ vụ 1278/24 trọng lượng 1,5517 gram: Là ma túy nên tịch thu để tiêu huỷ.

- Thu giữ của Nguyễn Thị Ngọc C: 01 loa màu xanh có chữ Harman/kardon màu xanh; 01 máy chiếu Laser Show System MP7979.V10, màu đen; 01 điện thoại Iphone 14 Promax, màu tím, số IMEI: 354132413210256, số thuê bao: 0797771666. C khai sử dụng điện thoại này để mua và rủ rê sử dụng ma túy nên tịch thu để sung quỹ nhà nước; C khai loa và đèn do D mang đến để phục vụ việc sử dụng ma túy, D khai thuê loa và đèn này từ một người không rõ lai lịch trên mạng xã hội, khi thuê không nói để tổ chức sử dụng ma túy, nên đăng tin tìm chủ sở hữu loa và đèn trong thời gian 30 ngày, tìm được thì trả lại cho chủ sở hữu, không tìm được thì tịch thu để sung quỹ nhà nước.

- Thu giữ của Phạm Thị Hiền D: 01 điện thoại Iphone 15 Promax, màu trắng, số IMEI: 356616949356656, số thuê bao: 0773757678. Thu giữ của Thị Ngọc T2: 01 điện thoại Iphone 15 Promax, màu trắng, số IMEI: 354570352691749, số thuê bao: 0357151096. Thu giữ của Phạm Văn L1: 01 điện thoại Iphone 15 Promax, màu trắng, số IMEI: 355319542632414, số thuê bao: 0869666969. Các bị cáo khai nhận sử dụng điện thoại này để liên lạc rủ rê và chuyển tiền hùn mua ma túy để sử dụng, nên tịch thu để sung quỹ nhà nước.

[7] Đối với Trần Thị Yến N, Nguyễn Mỹ T4 và Hoàng Thu H2 ở trong phòng của mình, không biết việc C nấu ma túy tại phòng bếp. Sau đó T4 đi ra ngoài, khoảng 8 giờ ngày 30/3/2024 T4 đi làm về lại căn hộ nhưng không mở được cửa phòng của C nên ngủ tại phòng khách. T4 không biết và không nhìn thấy C và nhóm bạn của C sử dụng ma túy. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q1 không có cơ sở xử lý hình sự đối với N, T4 và H2 là có căn cứ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q1 ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối

với Trần Thị Yến N, Hoàng Thu H2 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với “A.Thiên” bán ma túy cho C. Qua xác minh thông tin đăng ký tài khoản ngân hàng và số điện thoại đối tượng tên Nguyễn Thị Tuyết L2. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q1 tiến hành xác minh nhưng không xác định được nơi cư trú của L2. Đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Đối với công ty TNHH D3 ký hợp đồng cho Trần Thị Yến N thuê căn hộ M2 28.08 chung cư E S, khu phố A, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty không biết việc N cho C ở cùng. Vì vậy không có cơ sở xử lý công ty trách nhiệm hữu hạn D3 là có căn cứ.

[8] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc C, Phạm Thị Hiền D, Thị Ngọc T2 và Phạm Văn L1 phạm tội “Tổ chức sử dụng phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc C 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng phép chất ma túy”, và 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt 02 tội trên, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc C phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2024.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị Hiền D 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng phép chất ma túy”, và 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt 02 tội trên, bị cáo Phạm Thị Hiền D phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2024.

- Xử phạt bị cáo Thị Ngọc T2 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng phép chất ma túy”, và 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt 02 tội trên, bị cáo Thị Ngọc T2 phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2024.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn L1 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng phép chất ma túy”, và 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt 02 tội trên, bị cáo Phạm Văn L1 phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2024.

4. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên:

- Tịch thu để tiêu huỷ: 01 (một) hộp giấy hình chữ nhật chứa mẫu giám định được dán niêm phong có chữ ký của cán bộ điều tra Lê Việt D1 và giám định viên Nguyễn Văn Ú Lớn có chữ vụ 1278/24 (bên trong có 01 gói nylon chứa bột khối lượng 0,5496g; 01 chai nhựa chứa chất lỏng màu vàng có thể tích 200ml; 01 tô sứ màu trắng; 01 muỗng bằng kim loại, 01 đĩa bằng kim loại màu vàng; 01 thẻ nhựa màu trắng); 01 (một) bao thư chứa ma túy Ketamine được niêm phong có chữ ký của cán bộ điều tra Lê Việt D1 và giám định viên Nguyễn Văn Út L3 có chữ vụ 1278/24 trọng lượng 1,5517 gram;

- Tịch thu để sung quỹ nhà nước: 01 tờ mệnh giá 10.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 14 Promax, màu tím, số IMEI: 354132413210256, số thuê bao: 0797771666; 01 điện thoại Iphone 15 Promax, màu trắng, số IMEI: 356616949356656, số thuê bao: 0773757678; 01 điện thoại Iphone 15 Promax, màu trắng, số IMEI: 354570352691749, số thuê bao: 0357151096; 01 điện thoại Iphone 15 Promax, màu trắng, số IMEI: 355319542632414, số thuê bao: 0869666969;

- Đăng tin tìm chủ sở hữu trong thời gian 30 ngày, tìm được thì trả lại cho chủ sở hữu, không tìm được thì tịch thu để sung quỹ nhà nước, đối với: 01 loa màu xanh có chữ Harman/kardon màu xanh; 01 máy chiếu Laser Show System MP7979.V10, màu đen.

(Theo Biên bản V/v giao, nhận vật chứng tài sản số 010 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS Quận 7;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (TK Loan).

Nguyễn Ngọc San Hà